

Số: 3428 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 05 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại đơn vị hành chính
xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 735/TTr-SNV ngày 14 tháng 11 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại đơn vị hành chính 91 xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bình Dương, như sau:

- 1. Thành phố Thủ Dầu Một: 14 đơn vị hành chính cấp xã**
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 14 (mười bốn) đơn vị.
- 2. Thị xã Thuận An: 10 đơn vị hành chính cấp xã**
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 08 (tám) đơn vị.
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 02 (hai) đơn vị.
- 3. Thị xã Dĩ An: 07 đơn vị hành chính cấp xã**
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 07 (bảy) đơn vị.
- 4. Thị xã Tân Uyên: 12 đơn vị hành chính cấp xã**
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 08 (tám) đơn vị.
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 03 (ba) đơn vị.
 - Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 01 (một) đơn vị.



5. Thị xã Bến Cát: 08 đơn vị hành chính cấp xã

- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 08 (tám) đơn vị.

6. Huyện Bắc Tân Uyên: 10 đơn vị hành chính cấp xã

- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 05 (năm) đơn vị.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 05 (năm) đơn vị.

7. Huyện Phú Giáo: 11 đơn vị hành chính cấp xã

- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 05 (năm) đơn vị.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 06 (sáu) đơn vị.

8. Huyện Dầu Tiếng: 12 đơn vị hành chính cấp xã

- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 11 (mười một) đơn vị.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 01 (một) đơn vị.

9. Huyện Bàu Bàng: 07 đơn vị hành chính cấp xã

- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 03 (ba) đơn vị.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 04 (bốn) đơn vị.

(Phụ lục phân loại chi tiết của 91 xã, phường, thị trấn gửi kèm theo)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính các xã, phường, thị trấn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP(Lg,V), Lh, TH;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm



PHỤ LỤC
Phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn tỉnh Bình Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3428/QĐ-UBND
ngày 05/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

I. Thành phố Thủ Dầu Một

- | | |
|----------------------------|-----------|
| 1. Phường Phú Cường | : Loại I. |
| 2. Phường Phú Hòa | : Loại I. |
| 3. Phường Phú Lợi | : Loại I. |
| 4. Phường Chánh Nghĩa | : Loại I. |
| 5. Phường Hiệp Thành | : Loại I. |
| 6. Phường Phú Thọ | : Loại I. |
| 7. Phường Hòa Phú | : Loại I. |
| 8. Phường Phú Tân | : Loại I. |
| 9. Phường Định Hòa | : Loại I. |
| 10. Phường Phú Mỹ | : Loại I. |
| 11. Phường Hiệp An | : Loại I. |
| 12. Phường Tân An | : Loại I. |
| 13. Phường Tương Bình Hiệp | : Loại I. |
| 14. Phường Chánh Mỹ | : Loại I. |

II. Thị xã Thuận An

- | | |
|----------------------|------------|
| 1. Phường Lái Thiêu | : Loại I. |
| 2. Phường An Thạnh | : Loại I. |
| 3. Phường Thuận Giao | : Loại I. |
| 4. Phường An Phú | : Loại I. |
| 5. Phường Bình Chuẩn | : Loại I. |
| 6. Phường Bình Hòa | : Loại I. |
| 7. Phường Vĩnh Phú | : Loại I. |
| 8. Phường Bình Nhâm | : Loại I. |
| 9. Phường Hưng Định | : Loại II. |
| 10. Xã An Sơn | : Loại II. |

III. Thị xã Dĩ An

1. Phường Dĩ An : Loại I.
2. Phường Đông Hòa : Loại I.
3. Phường Bình An : Loại I.
4. Phường An Bình : Loại I.
5. Phường Tân Đông Hiệp : Loại I.
6. Phường Tân Bình : Loại I.
7. Phường Bình Thắng : Loại I.



IV. Thị xã Tân Uyên

1. Phường Uyên Hưng : Loại I.
2. Phường Tân Phước Khánh : Loại I.
3. Phường Thái Hòa : Loại I.
4. Phường Khánh Bình : Loại I.
5. Phường Tân Hiệp : Loại I.
6. Xã Tân Vĩnh Hiệp : Loại I.
7. Xã Hội Nghĩa : Loại I.
8. Xã Vĩnh Tân : Loại I.
9. Phường Thạnh Phước : Loại II.
10. Xã Phú Chánh : Loại II.
11. Xã Bạch Đằng : Loại II.
12. Xã Thạnh Hội : Loại III.

V. Thị xã Bến Cát

1. Phường Mỹ Phước : Loại I.
2. Phường Thới Hòa : Loại I.
3. Phường Chánh Phú Hòa : Loại I.
4. Phường Tân Định : Loại I.
5. Phường Hòa Lợi : Loại I.
6. Xã An Điền : Loại I.
7. Xã An Tây : Loại I.
8. Xã Phú An : Loại I.

VI. Huyện Bắc Tân Uyên

1. Xã Tân Bình : Loại I.
2. Xã Bình Mỹ : Loại I.



3. Xã Tân Định : Loại I.
4. Xã Lạc An : Loại I.
5. Xã Tân Mỹ : Loại I.
6. Xã Đất Cuốc : Loại II.
7. Xã Hiếu Liêm : Loại II.
8. Xã Thường Tân : Loại II.
9. Xã Tân Thành : Loại II.
10. Xã Tân Lập : Loại II.

VII. Huyện Phú Giáo

1. Thị trấn Phước Vĩnh : Loại I.
2. Xã Vĩnh Hòa : Loại I.
3. Xã An Bình : Loại I.
4. Xã Phước Hòa : Loại I.
5. Xã Tân Long : Loại I.
6. Xã Tam Lập : Loại II.
7. Xã Tân Hiệp : Loại II.
8. Xã Phước Sang : Loại II.
9. Xã An Linh : Loại II.
10. Xã An Thái : Loại II.
11. Xã An Long : Loại II.

VIII. Huyện Dầu Tiếng

1. Thị trấn Dầu Tiếng : Loại I.
2. Xã Định An : Loại I.
3. Xã Minh Hòa : Loại I.
4. Xã Minh Tân : Loại I.
5. Xã Minh Thạnh : Loại I.
6. Xã Thanh An : Loại I.
7. Xã Thanh Tuyên : Loại I.
8. Xã Định Hiệp : Loại I.
9. Xã Long Tân : Loại I.
10. Xã An Lập : Loại I.
11. Xã Long Hòa : Loại I.
12. Xã Định Thành : Loại II.

IX. Huyện Bàu Bàng

1. Xã Lai Uyên : Loại I.
2. Xã Long Nguyên : Loại I.
3. Xã Lai Hưng : Loại I.
4. Xã Cây Trường II : Loại II.
5. Xã Hưng Hòa : Loại II.
6. Xã Tân Hưng : Loại II.
7. Xã Trù Văn Thố : Loại II.

